BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Sư phạm Âm nhạc **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**31**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học kỳ I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*							
V. Đại cương chung			**17**						
14	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
15	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					2
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	MU4500	Nhập môn ngành Sư phạm Âm nhạc	1	15					2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**104**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
23	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					2
24	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		3
25	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		3
26	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					4
II. Kiến thức cơ sở ngành			**18**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**14**						
27	MU4128	Lí thuyết âm nhạc cơ bản	4	60					1
28	MU4121	Kí xướng âm 1	2		60				2
29	MU4150	Thanh nhạc 1	2		60		MU4128		2
30	MU4137	Organ 1	2		60		MU4128		2
31	MU4188	Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	2		60				4
32	MU4184N	Lịch sử âm nhạc TG và VN	2	30					5
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**4**						
33	MU4100	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	2	30					5
34	MU4408	Thực tế chuyên môn	2		60				5
35	MU4294	Thực hành sư phạm âm nhạc	2	30					6
36	MU4227	Khởi nghiệp giáo dục Âm nhạc	2	30					6
III. Kiến thức chuyên ngành			**55**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**47**						
37	MU4122	Kí xướng âm 2	2		60		MU4121		3
38	MU4139	Organ 2	2		60		MU4137		3
39	MU4151	Thanh nhạc 2	2		60		MU4150		3
40	MU4201	Múa	3		90				4
41	MU4219	Giới thiệu nhạc cụ phổ biến	2		60		MU4128		4
42	MU4123	Kí xướng âm 3	2		60		MU4122		4
43	MU4152	Thanh nhạc 3	2		60		MU4151		4

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	MU4202	Đệm đàn Organ 1	2		60		MU4139		4
45	MU4145P	Phân tích tác phẩm 1	3	45			MU4128		4
46	MU4101	Chỉ huy dàn dựng hát tập thể	2		60				5
47	MU4287	Phương pháp dạy học âm nhạc	4	60					5
48	MU4124	Kí xướng âm 4	2		60		MU4123		5
49	MU4153	Thanh nhạc 4	2		60		MU4152		5
50	MU4203	Đệm đàn Organ 2	2		60		MU4202		5
51	MU4223	Hòa âm	3	45					5
52	MU4222	Hát hợp xướng	2		60				6
53	MU4181	Guitar	3		90		MU4128		6
54	MU4040	Phương pháp NCKH giáo dục Âm nhạc	2	30					6
55	MU4208N	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	3		90				7
56	MU4224	Chỉ huy dàn dựng hợp xướng	2		60		MU4101		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**8**						
57	MU4232N	Phương pháp biên đạo múa	2		60				6
58	MU4156	Phân tích tác phẩm 2	2	30			MU4145P		6
59	MU4226	Công nghệ thu âm	2		60				6
60	MU4221	Hòa âm ứng dụng	2	30					6
61	MU4115	Hát dân ca	2		60				6
62	MU4225	Hòa tấu nhạc cụ	2		60				6
63	MU4136	Nhập môn sáng tác	2	30					6
64	MU4218	Guitar đệm hát	2		60		MU4181		7
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
65	MU4401	Rèn luyện NVSPTX 1	2		60				2
66	MU4402	Rèn luyện NVSPTX 2	2		60				3
67	MU4403N	Rèn luyện NVSPTX 3	2		60				4
68	MU4491N	Kiến tập sư phạm	3		90				7
69	MU4698	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			**6**						
70	MU4297N	Khóa luận tốt nghiệp	6						7
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
71	MU4212	Thanh nhạc nâng cao	2		60				7
72	MU4228	Nhạc cụ nâng cao	2		60				7
73	MU4220	Tổ chức sự kiện	2		60				7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
		Tổng số tín chỉ tích luỹ:	121						
		Tổng số tín chỉ điều kiện:	14						
		Tổng số tín chỉ bắt buộc:	102						
		Tổng số tín chỉ tự chọn:	18						